

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 645/2018/HSPT

Ngày 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất N

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị M

Ông Thái Duy N1

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quang M2 - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 397/2018/TLHS-PT ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Đồng Thị H do có kháng cáo của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 10-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Đồng Thị H sinh năm 1978; trú tại: tổ 6 phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: khi phạm tội là Bí thư Đảng ủy phường T, thành phố T (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Quốc H và bà Lê Thị M; có chồng là Phạm Ngọc H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 19-01-2017, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo (do Tòa án chỉ định): Bà Thiệu Thị Thanh H, Luật sư Văn phòng Luật sư Hà T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Những người bị hại kháng cáo:

1. Bà Đặng Thị Diệp C sinh năm 1968; trú tại xóm Đ, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960; trú tại tổ 8 phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo

Ngân hàng thương mại cổ phần Á C - Chi nhánh Thái Nguyên. Người đại diện theo ủy quyền là ông Doãn Mạnh C - Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Nguyên, vắng mặt; ủy quyền cho ông Lê Hữu L - cán bộ Ngân hàng TMCP C tham gia tố tụng tại phiên tòa, có mặt.

- Người bị hại không kháng cáo

Anh Mai Đình T sinh năm 1988.

- Trong vụ án còn có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo.

1. Ông Đỗ Hùng V sinh năm 1950; trú tại tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1963; trú tại tổ 6 phường T, thành phố T, tỉnh T, có mặt.

3. Bà Đào Kim M sinh năm 1963; trú tại xóm 1 xã H, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

4. Ông Phạm Trung T sinh năm 1961; trú tại tổ 20, phường T, thành phố T, tỉnh T, có mặt.

5. Ông Vũ Gia Đ sinh năm 1954; trú tại tổ 4 phường P, thành phố T, tỉnh T, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Chị Trần Hải Y sinh năm 1986; trú tại xóm Đồng T, xã Hóa T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 9 năm 2016, Đồng Thị H là Bí thư Đảng ủy phường T, Thành phố T. Ngoài ra, còn cùng gia đình làm đại lý kinh doanh, làm trang trại chăn nuôi. Do quá trình kinh doanh bị thua lỗ nên H đã vay tiền, vàng của nhiều người, mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số người mang thế chấp vay tiền với tổng số khoảng 17.000.000.000 đồng dẫn đến mất khả năng trả nợ. Trong thời gian vào các năm 2015 và 2016, H đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

1. Khoảng tháng 9 năm 2015, Đồng Thị H mượn của vợ chồng ông Đỗ Hùng V và bà Ngô Thị T 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 419082 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T cấp ngày 21-6-2006 cho hộ ông Đỗ Hùng V, bà Ngô Thị T tại thửa số 25, tờ bản đồ 22, diện tích 79,8 m² tại phường T, Thành phố T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 268989 do UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26-3-2003 cho hộ ông Đỗ Hùng V thửa 278, tờ bản đồ 47 diện tích 120 m² tại xã S, huyện P (nay là Thành phố T).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 214520 do UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 25-9-2001 cho hộ ông Đỗ Hùng V thửa 197, tờ bản đồ 47 diện tích 174 m² tại xã S, huyện P (nay là Thành phố T).

Sau đó, H mang các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thế chấp Ngân hàng nhưng không vay được tiền.

Do cần tiền trả nợ nên ngày 17-12-2015, H soạn thảo 03 bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả mạo có nội dung là hộ gia đình ông V, bà T chuyển nhượng cho H 03 thửa đất nêu trên. Mục đích là sau khi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên thì H sẽ mang lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác.

Sau khi soạn hợp đồng chuyển nhượng, H nhờ người khác ký, ghi họ tên và điểm chỉ giả mạo vào phần chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông V, bà T. Sau đó liên hệ với bà Đặng Thị Diệp C nói là H có mua 03 thửa đất nhưng do cần tiền nên cần bán với giá 1.500.000.000 đồng, bà C đồng ý mua. Do không đủ tiền nên bà C bảo làm thủ tục sang tên trước để bà C mang thế chấp Ngân hàng vay tiền về trả. H đồng ý.

Đồng Thị H nhờ Trần Hải Y là nhân viên Văn phòng Công chứng Sông Cầu lập thủ tục công chứng 03 hợp đồng này trình ông Vũ Gia Đ là Công chứng viên của Văn phòng chứng thực. H nhờ ông Bùi Duy H (trú tại xã S, huyện P) đi làm thủ tục sang tên 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên từ hộ ông V, bà T sang tên H.

Ngày 18-12-2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T làm thủ tục sang tên thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 419082 sang tên cho H; sau đó H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho bà C với giá 500.000.000 đồng.

Ngày 21-12-2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P làm thủ tục sang tên 02 thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 268989 và U 214520 sang tên cho H. Ngày 22-12-2015, H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất trên cho bà C với giá 900.000.000 đồng. Sau đó, bà C mang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên 1.500.000.000 đồng trả cho H và bị H chiếm đoạt số tiền này.

2. Vào đầu tháng 8 năm 2016, bà Nguyễn Thị Thanh H có đưa cho Đồng Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 214175 do UBND Thành phố T cấp ngày 20-11-2001 cho ông Bà H (Ông P là chồng bà H) thừa đất số 92 tờ bản đồ số 27, diện tích 100 m² tại phường T, Thành phố T và một số giấy tờ khác để nhờ làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cấp cho Ông P sang tên bà H vì Ông P đã chết từ năm 2004. Trong thời gian này, H đến nhà bà Nguyễn Thị L trú tại tổ 8 phường Hoàng Văn Thụ hỏi vay tiền, bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp. H đã tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H thế chấp để vay tiền.

Đồng Thị H đã nhờ bà Đào Kim M và ông Phạm Trung T là người quen thân đóng giả vợ chồng bà H, Ông P làm thủ tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà L để vay tiền. Khi nhờ bà M, ông T thì H nói nhờ làm thủ tục vay tiền bà L trong thời hạn 01 tháng sẽ trả lại. Toàn bộ thủ tục giấy tờ H đã làm đầy đủ chỉ cần bà M, ông T đứng tên. Bà M, ông T đồng ý.

Ngày 10-8-2016, H đưa bà M đến gặp bà L và giới thiệu là bà H muốn thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng là Bà H cho bà L để vay tiền mở quầy thuốc cho con. Trong khi đó bà M nhận mình là bà H rồi đưa cho bà L xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U 214175 mang tên Bà H và đặt vấn đề vay 350.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng để mở quầy thuốc cho con. Bà L yêu cầu đến nơi kiểm tra và phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L, nếu sau 01 tháng không trả tiền theo thỏa thuận thì có nghĩa bà H đã bán nhà đất cho bà L với giá 350.000.000 đồng. H và bà M đồng ý.

Ngày 11-8-2016, H soạn thảo hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 12-8-2016, bên chuyển nhượng là vợ chồng Ông P, bà H, bên nhận chuyển nhượng là bà L, đưa cho bà M ký tên, ghi họ tên mạo danh là bà H, đưa cho ông T ký tên, ghi mạo danh là ông Bà H. Ngày 12-8-2016 bà M cầm 02 bản hợp đồng nêu trên cùng H đến nhà bà L; sau khi xem bà L đã ký vào bên nhận chuyển nhượng rồi đưa lại bà M để đi chứng thực. Bà L nói với H và bà M là đến chiều tối đến xem nhà rồi giao tiền, H đồng ý. Khi về H lấy lại 02 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà M rồi H tự ký giả mạo chữ ký, chữ viết của chị Hoàng Thị Y - cán bộ Tư pháp phường T và ký giả mạo chữ ký của ông Lương Quốc H là Chủ tịch UBND phường T vào hai bản hợp đồng. Sau đó đưa cho chị Trần Thị H là cán bộ Văn phòng UBND phường T đóng dấu. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H đến nhà bà H nói dối là chiều sẽ có cán bộ địa chính đến thực địa để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bảo bà H tránh mặt để không phải bồi dưỡng cho cán bộ địa chính. Bà H tin tưởng đã đưa chìa khóa cho H rồi đi ra khỏi nhà. H gọi bà M đến nhà và nói với bà M khi nào vợ chồng bà L đến xem nhà thì H sẽ đưa bà M đến nhà bà H để bà M mạo danh là bà H và nói dối Ông P chồng bà H đang đi câu cá không có nhà, bà M

đồng ý. Đến khoảng 16 giờ bà L cùng chồng là ông Hiệp đến nhà bà H thì gặp H, bà M đang ở trong nhà bà H. Lúc này, bà M giới thiệu với vợ chồng bà L đây là nhà của vợ chồng bà, hiện nay Ông P đang đi câu cá không có nhà (theo yêu cầu H đã dặn). Bà L cùng ông Hiệp xem nhà xong rồi nói khi nào Ông P về thì hai vợ chồng đến nhà bà L viết giấy vay, nhận tiền.

Đến khoảng 19 giờ ngày 12-8-2016, H tiếp tục nhờ ông T mạo danh ông Bà H đi xuống nhà bà L để ký giấy vay tiền (giữa bà M với ông T không quen biết nhau mà chỉ nghe H giới thiệu) vì bà L yêu cầu phải có mặt hai vợ chồng Ông P, bà H. H gọi tắc xi chở ông T, bà M đến nhà bà L, tại đây bà M đưa cho bà L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bà H, hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được chứng thực. Bà L kiểm tra xong yêu cầu vợ chồng bà H, Ông P (thực chất là bà M, ông T mạo danh) viết giấy vay tiền có nội dung là vợ chồng Ông P, bà H vay của bà L 350.000.000 đồng, khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà L đưa cho bà M 350.000.000 đồng, bà M đưa cho H toàn bộ số tiền này. Khoảng tháng 10 năm 2016 bà L không thấy trả tiền theo thỏa thuận nên mang các hợp đồng chuyển nhượng trên đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T thì được biết các giấy chứng nhận trên liên quan đến hành vi lừa đảo của H.

3. Khoảng tháng 4 năm 2016, anh Nông Hoàng L trú tại phường T, thành phố T, có nhờ H làm thủ tục cấp bổ sung diện tích đất vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình và được H đồng ý. Khoảng 10 ngày sau vợ anh Linh là chị Phạm Thị Hương đưa cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 697782 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho hộ ông Nông Văn Y và bà Hoàng Thị H (ông Y, bà Hải là bố mẹ anh Linh) thừa đất số 109 tờ bản đồ số 14 diện tích 162 m² tại phường T, Thành phố T và các giấy tờ khác kèm theo. Sau khi nhận các giấy tờ trên, H đã nhờ em chồng là Phạm Thế V đứng tên nhận chuyển nhượng thừa đất của gia đình ông Nông Văn Y sang Phạm Thế V để H sử dụng giấy chứng nhận sử dụng đất này đi vay tiền, chiếm đoạt tài sản.

Ngày 20-4-2016, H nhờ Trần Hải Y là nhân viên Văn phòng Công chứng Sông Cầu soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nội dung bên chuyển nhượng là các ông Nông Văn Y, Nông Hoàng Li và bà Hoàng Thị H, bà Nông Thị Hoa, bên nhận chuyển nhượng là anh Phạm Thế V. H in 05 bản hợp đồng và điểm chỉ giả mạo dấu vân tay của ông Y, bà H, anh L, chị H, tự ký tên, ghi họ tên giả mạo ông Nông Văn Y và nhờ chị Nguyễn Thị B là Bí thư Đoàn phường T ký tên ghi giả mạo tên chị H. Sau đó, H gọi điện thoại bảo anh Phạm Thế V đến UBND phường T nói với anh V là H mua thừa đất do đang là Bí thư Đảng ủy không tiện đứng tên nên nhờ anh V đứng tên hộ. Anh V đồng ý và ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của H.

Sau đó đưa cho Trần Hải Y trình ông Vũ Gia Đ là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Sông Cầu công chứng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất trên. H đưa hợp đồng này cho ông Bùi Duy H đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố T làm thủ tục sang tên anh V. Ngày 27-4-2016, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố T đã làm thủ tục sang tên thửa đất có giấy chứng nhận số T 697782 từ hộ ông Nông Văn Y sang tên Phạm Thế V. Ngày 16-6-2016, H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thế chấp cho chị Nguyễn Thị Kim Anh trú tại phường Tích Lương vay 600.000.000 đồng. Khi vay, H bảo anh Phạm Thế V viết giấy vay 650.000.000 đồng bao gồm tiền lãi và tiền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 07-9-2016, do cần tiền trả nợ nên H đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất của gia đình ông Nông Văn Y (do H nhờ anh V đứng tên) cho anh Mai Đình Thịnh với giá 800.000.000 đồng. H nói dối anh Thịnh là đất do H mua, nhờ Vinh đứng tên. Anh Thịnh đồng ý. Do tại thời điểm này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đang thế chấp cho anh M và chị Kim Anh nên ngày 07-9-2016, H hẹn anh M, anh Phạm Hữu Bình (chồng chị Kim Anh) cùng anh Thịnh, anh V đến Văn phòng Công chứng Sông Cầu mục đích để H ứng tiền trước từ anh Thịnh trả cho anh M, chị Kim Anh rồi làm thủ tục hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký với anh M, chị Kim Anh trước đó. Sau đó, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng từ tên anh V sang anh Thịnh theo thỏa thuận.

Tại Văn phòng Công chứng Sông Cầu, anh Thịnh đã đưa cho H 650.000.000 đồng, H lấy số tiền này trả cho anh M. Sau đó, H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 697782 cho anh Thịnh. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, anh Thịnh trả tiếp cho H 150.000.000 đồng (tổng cộng là 800.000.000 đồng). Ngày 15-10-2016, anh Thịnh mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm thủ tục chuyển nhượng thì phát hiện bị lừa đảo.

Như vậy, Đồng Thị H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của các bà Đặng Thị Diệp C 1.500.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 350.000.000 đồng và anh Mai Đình Thịnh 800.000.000 đồng, tổng cộng 2.650.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 29/KSĐT-TA (P2) ngày 09-01-2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Đồng Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 03 cá nhân tổng số 2.650.000.000 đồng.

Đối với bà Đào Kim M và ông Phạm Trung T: Viện kiểm sát xác định tuy bà M, ông T có hành vi giúp H thực hiện hành vi gian dối để vay tiền của bà L nhưng tin tưởng H nói là chỉ vay tiền của bà L một thời gian nhất định, không biết

mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì nên không cấu thành tội phạm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 10-4-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Đồng Thị H 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 19-01-2017.

Áp dụng các điều 584, 589 Bộ luật dân sự; buộc Đồng Thị H bồi thường cho các bà Đặng Thị Diệp C 1.500.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L 350.000.000 đồng và bồi thường cho anh Mai Đình Thịnh 800.000.000 đồng.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình liên quan đến vụ án để cấp lại cho các hộ theo quy định của pháp luật

- Kiến nghị Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên xem xét trách nhiệm của Công chứng viên Văn phòng công chứng Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ trong việc công chứng, chứng thực không đúng trình tự, thủ tục đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 23-4-2018, bị hại là bà Đặng Thị Diệp C kháng cáo cho rằng Công chứng viên đã có hành vi giúp sức cho bị cáo lừa đảo nhưng không bị xử lý, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo vì khi phạm tội là Bí thư đảng ủy, đã lợi dụng chức vụ, tạo niềm tin. Về dân sự: sau khi mua 03 thửa đất mang thế chấp Ngân hàng hàng tháng phải trả lãi nhưng không buộc bị cáo trả lãi; Văn phòng Công chứng làm sai nên buộc Văn phòng công chứng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Ngày 23-4-2018, bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị xem xét vai trò đồng phạm của bà Đào Kim M, ông Phạm Trung T trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo.

- Ngày 13-4-2018, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên kháng cáo đề nghị chấp nhận các yêu cầu:

- + Duy trì hợp đồng thế chấp số TGN.BĐCN.132.251215 ngày 25-12-2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Châu Á với bà Đặng Thị Diệp C và ông Nguyễn Văn Vịnh.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 214520 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 268989 đối với thửa đất số 278 và 179, tờ bản đồ số 47 xã S, huyện P (nay là Thành phố T).

+ Hợp đồng mua bán tài sản giữa hộ ông Đỗ Hùng V và bà Đỗ Thị H là vô hiệu và các bên bồi thường giá trị tài sản theo giá hiện tại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đồng Thị H thừa nhận đã có hành vi gian dối mạo danh chữ ký, chữ viết của người được giao sử dụng đất và nhờ bà Đào Kim M, ông Phạm Trung T ký mạo danh chữ ký, chữ viết; đóng giả bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Bà H là chủ sử dụng đất; để thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải của mình cho người khác, chiếm đoạt của các bà Đặng Thị Diệp C 1.500.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 350.000.000 đồng và anh Mai Đình Thịnh 800.000.000 đồng; tổng cộng là 2.650.000.000 đồng; không có khả năng bồi thường.

Bị cáo khai trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo không bàn bạc, trao đổi với ai, do mình bị cáo thực hiện; toàn bộ số tiền chiếm đoạt được do bị cáo sử dụng; việc bà M, ông T có hành vi mạo danh chữ ký, chữ viết, đóng giả bà H, Ông P theo yêu cầu của bị cáo là do cả nể trong quan hệ công tác, tin tưởng bị cáo nói là chỉ vay tiền trong một thời hạn nhất định; họ không biết bị cáo không có khả năng trả nợ, mục đích vay tiền nhằm chiếm đoạt tài sản; không được hưởng lợi, chiếm hưởng từ số tiền bị cáo chiếm đoạt; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo.

Người bị hại là bà Đặng Thị Diệp C trình bày: đề nghị xem xét trách nhiệm của Công chứng viên Vũ Gia Đ và nhân viên công chứng đã không thực hiện đúng quy định trong việc công chứng, chứng thực; tạo điều kiện để bị cáo sử dụng các hợp đồng chuyển nhượng giả mạo lừa đảo chiếm đoạt tài sản; buộc Văn phòng Công chứng bồi thường thiệt hại cho bà. Tại phiên tòa, bà C chỉ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án (không yêu cầu tăng hình phạt) và đề nghị hoãn phiên tòa vì vắng mặt Công chứng viên.

Người bị hại là bà Nguyễn Thị L đề nghị xem xét vai trò đồng phạm của bà Đào Kim M, ông Phạm Trung T, vì đã có hành vi gian dối (giả mạo chữ ký, đóng giả chủ sử dụng đất ...) giúp sức cho bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản; yêu cầu bà M phải có mặt tại phiên tòa để xác minh, làm rõ sự việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung nêu trong đơn kháng cáo của Ngân hàng; không thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến khoản vay của Ngân hàng; hiện nay các hợp đồng thế chấp này vẫn có hiệu lực pháp luật và đang được các bên thực hiện.

Ông Phạm Trung T khai nhận có hành vi giả mạo chữ ký, họ tên, mạo danh chủ sử dụng đất khi giao dịch theo yêu cầu của bị cáo, là do cả nể trong quan hệ công tác, tin tưởng bị cáo vay tiền trong khoảng thời gian nhất định sẽ trả lại; bản thân không được bàn bạc, chiếm hưởng gì; hoàn toàn không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa không có đủ căn cứ kết luận công chứng viên, nhân viên công chứng, bà M, ông T đồng phạm với bị cáo trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên: Các hợp đồng thế chấp giữa bà C và Ngân hàng vẫn có hiệu lực và đang được thực hiện; đây là quan hệ tín dụng nên không thuộc phạm vi xét xử vụ án hình sự này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà C về trách nhiệm bồi thường liên quan đến Văn phòng Công chứng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định. Không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị hại; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, người liên quan đến kháng cáo là ông Vũ Gia Đ, chỉ Trần Hải Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Đào Kim M đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án. Không có căn cứ hoãn phiên tòa theo yêu cầu của người bị hại là bà Đặng Thị Diệp C.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các người bị hại, phù hợp với các giấy biên nhận tiền và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận trong

khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, Đồng Thị H đã có hành vi gian dối mạo danh chữ ký, họ tên hoặc nhờ người khác mạo danh chữ ký, họ tên ...; của người được giao quyền sử dụng đất ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không thuộc quyền sử dụng, sở hữu của mình cho người khác, chiếm đoạt của các bà Đặng Thị Diệp C 1.500.000.000 đồng, Nguyễn Thị L 350.000.000 đồng và anh Mai Đình Thịnh 800.000.000 đồng, tổng cộng 2.650.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là ông Đồng Quốc Huệ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo.

Ngoài ra, Đồng Thị H đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 03 người, tổng cộng là 2.650.000.000 đồng nên ngoài việc phạm vào tình tiết định khung về tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt, bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015). Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo là thiếu sót.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm tài sản lớn của cá nhân; phạm tội nhiều lần, ảnh hưởng xấu đến trị an, trật tự xã hội, thiệt hại vật chất chưa được khắc phục nên cần xử lý nghiêm minh nhằm trừng trị, cải tạo bị cáo, đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm của ông Vũ Gia Đ - Công chứng viên, chị Trần Hải Y nhân viên công chứng và bà Đào Kim M, ông Phạm Trung T liên quan đến hành vi phạm tội của Đồng Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với ông Vũ Gia Đ - Công chứng viên và chị Trần Hải Y nhân viên Văn phòng Công chứng Sông Cầu:

Mặc dù không có căn cứ kết luận ông Vũ Gia Đ, chị Trần Hải Y đồng phạm với bị cáo trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận trong thủ tục ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng, người yêu cầu công chứng trong hợp đồng, giao dịch không có mặt, không thực hiện quy định là phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên nhưng công chứng viên và nhân viên công chứng vẫn thực hiện, tiến hành việc công chứng hợp đồng, giao dịch là không thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Luật Công chứng; bị cáo đã sử dụng các hợp đồng, giao dịch không đúng này để chấp, chuyển nhượng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người.

Điều 71 Luật Công chứng quy định: “Công chứng viên vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý về xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”; vì thế, cần kiến nghị cơ quan chức năng chủ quản xem xét, xử lý theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Đối với bà Đào Kim M và ông Phạm Trung T

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai thống nhất trong hành vi lừa đảo bị cáo không bàn bạc, trao đổi với các đối tượng khác, chỉ do mình bị cáo thực hiện (phù hợp với lời khai của các đối tượng trên). Cơ quan điều tra đã yêu cầu điều tra làm rõ vai trò liên quan của các đối tượng nhưng kết quả điều tra không chứng minh được các đối tượng biết, giúp sức bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bà M, ông T thừa nhận có hành vi giả mạo chữ ký, chữ viết, giả mạo tên chủ sử dụng đất theo yêu cầu của bị cáo nhưng cho rằng do tin tưởng là H vay trong một thời gian nhất định sẽ trả nợ, không biết mục đích của bị cáo là gian dối, giả mạo trong việc chuyển nhượng tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác; toàn bộ số tiền nhận từ bị hại bị cáo chiếm hưởng; ngoài ra, trong khoảng thời gian trên chính bà M còn nhiều lần cho bị cáo vay tiền, tổng số còn nợ 600.000.000 đồng chưa trả. Theo các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa chưa đủ căn cứ kết luận (về ý thức chủ quan và hành vi khách quan), bà Đào Kim M và ông Phạm Trung T đã cố ý cùng Đồng Thị H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, theo yêu cầu kháng cáo của bị hại. Nếu có căn cứ bị hại có thể yêu cầu Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm xem xét trách nhiệm của các đối tượng liên quan nêu trên và tăng hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa, người bị hại chỉ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm (không yêu cầu tăng hình phạt). Xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội ...; để hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[4] Về phần bồi thường dân sự đối với bà Đặng Thị Diệp C

Đồng Thị H bị kết án về hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1.500.000.000 đồng của bà C. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt là đúng. Không có căn cứ buộc Văn phòng chứng bồi thường, liên đới bồi thường khoản tiền trên theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[5] Đối với kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên đề nghị duy trì các hợp đồng thế chấp vay tiền giữa bà C với Ngân hàng và hoàn trả cho Ngân hàng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến khoản vay của bà C. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đồng Thị H bị truy tố về hành vi lừa đảo

chiếm đoạt tài sản của 03 cá nhân. Các hợp đồng thế chấp giữa bà C với Ngân hàng vẫn đang có hiệu lực pháp luật và đang được thực hiện; các yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng không liên quan đến hành vi bị cáo bị truy tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng; nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình bị Đồng Thị H sử dụng giả mạo, mạo danh chủ sử dụng, làm phương tiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần thu hồi và cấp lại cho các chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật; vì thế, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng cổ phần thương mại C - Chi nhánh Thái Nguyên.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực theo quy định.

[7] Kháng cáo của Ngân hàng không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án sơ thẩm 10/2018/HSST ngày 10-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Đồng Thị H 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 19-01-2017.

2. Áp dụng các điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc Đồng Thị H bồi thường cho bà Đặng Thị Diệp C 1.500.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

3. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự:

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T thu hồi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: số AĐ 419082 do UBND Thành phố T cấp ngày 21-6-2006 cho hộ ông Đỗ Hùng V, bà Ngô Thị T thửa 25, tờ bản đồ 22 diện tích 79,8 m² tại phường T; số X 268989 do UBND huyện P cấp ngày 26-3-2003 cho hộ ông Đỗ Hùng V thửa 278, tờ bản đồ 47 diện tích 120 m² tại xã S; số U 214520 do UBND huyện P cấp ngày 25-9-2001 cho hộ ông Đỗ Hùng V thửa

197, tờ bản đồ 47 diện tích 174 m² tại xã S và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Hùng V theo quy định của luật đất đai.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T thu hồi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 214175 do UBND Thành phố T cấp ngày 20-11-2001 cho hộ ông Bà H (là chồng bà Nguyễn Thị Thanh H) thửa đất số 92 tờ bản đồ số 27 diện tích 100 m² tại phường T và làm thủ tục cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh H.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T thu hồi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 697782 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10-7-2001 cho hộ ông Nông Văn Y, bà Hoàng Thị H thửa đất số 109 tờ bản đồ số 14 diện tích 162 m² tại phường T, làm thủ tục cấp lại cho hộ ông Nông Văn Y, bà Hoàng Thị H.

Kiến nghị Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên xem xét trách nhiệm của Công chứng viên, nhân viên Văn phòng Công chứng Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ trong việc công chứng, chứng thực không đúng trình tự, thủ tục đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Thái Nguyên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (xác nhận Ngân hàng đã nộp ngày 30-5-2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục T.H.A DS tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên
(02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Vụ 1 - TAND tối cao;
- Người bị hại; Ngân hàng TMCP C,
Chi nhánh Thái Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam